TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2024/HS-ST
Ngày 24-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoà;

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 43/QĐST – HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Trung A, sinh năm 2000 tại Thái Bình; nơi thường trú: Xóm D, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi ở hiện tại: Hẻm A, đường N, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Đỗ Thị T1, tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 5 năm 2022 đến ngày 10 tháng 6 năm 2022 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp Bảo Lĩnh; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16 tháng 10 năm 2024 đến nay, có mặt.

2. Hứa Thị D, sinh năm 1997 tại Cao Bằng; nơi thường trú: thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hứa Văn L và bà Phùng Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Dương Thị T2, sinh năm 2000 tại Quảng Trị; nơi thường trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Bá S và bà Nguyễn Thị L1, tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Nguyễn Thị T3, sinh năm 1999 tại Hà Tĩnh; nơi thường trú: P, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L2 (đã chết) và bà Dương Thị T4, tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Dương Thị T5, sinh năm 2000; nơi thường trú: thôn A, xã G, huyện G, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Bà Lý Thị P, sinh năm 1998; nơi thường trú: phường T, huyện B, tỉnh Bình Phước; trú tại: Đường D, khu phố C, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị Khánh H, sinh năm 2002, nơi thường trú: Cụm H, xã H, huyện Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1997; nơi thường trú: ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

+ Bà Võ Huỳnh Phương T7, sinh năm 1985; nơi thường trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cần Thơ; vắng mặt.

+ Ông Lục Văn K, sinh năm 1998; nơi thường trú Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

+ Ông Lê Thế D1, sinh năm 1991; nơi thường trú: phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Hoàng Trung A, Hứa Thị D, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị T3 làm chung tại Công ty P2 thuộc khu công nghiệp B. Vào khoảng tháng 8-2021, Hoàng Trung A có nhu cầu làm bằng lái giả nên lên mạng xã hội facebook thấy tài khoản facebook tên "Làm bằng lái" đăng tin dịch vụ làm bằng lái xe, bị cáo A vào nhắn tin, trao đổi thì chủ tài khoản facebook tên "Làm bằng lái" yêu cầu bị cáo A kết nối qua zalo tên "Làm bằng lái" để trao đổi, mục đích là để làm giấy phép lái xe giả. Bị cáo A sử dụng Zalo tên "Trung An" kết bạn với đối tượng sử dụng Zalo tên "làm bằng lái". Qua trao đổi đối tượng này cho biết để làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 phải trả chi phí: 1.500.000 đồng và cung cấp thông tin, địa chỉ, hình ảnh, chứng minh nhân dân, hẹn 15 đến 20 ngày sẽ có giấy phép lái xe. Do chưa có giấy phép lái xe mô tô hạng A1 nên bị cáo A liên hệ chủ tài khoản Zalo tên "làm bằng lái" đặt làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 và chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng V số: 0111000760093 tên "Vo Huynh Phuong Thao". Sau đó, bị cáo A nhận được 01 giấy phép lái xe hạng A1 giả mang tên Hoàng Trung A. Khoảng tháng 9 đến tháng 11 năm 2021, thời điểm dịch covid-19, bị cáo Hoàng Trung A, bị cáo Hứa Thị D, bị cáo Dương Thị T2, bị cáo Nguyễn Thị T3 cùng Lý Thị P và một số đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ, làm việc ba tại chổ với bị cáo Hoàng Trung A tại Công ty P2 thuộc khu công nghiệp B. Bị cáo Hứa Thị D, bị cáo

Dương Thị T2, bị cáo Nguyễn Thị T3, bị cáo Dương Thị T5 và Lý Thị P thấy bị cáo Hoàng Trung A cầm giấy phép lái xe mô tô hạng A1, nên hỏi bị cáo A giấy phép lái xe mô tô từ đâu có bị cáo A trả lời đặt trên mạng xã hội làm, vì dịch bệnh nên có người thi giùm, có hồ sơ gốc và bị cáo An test mã vạch ở phía sau giấy phép lái xe sẽ hiện thông tin của chủ sở hữu là giấy phép lái xe thật và nói giá 1.500.000 đồng/ 01 giấy phép lái xe hạng A1.

Khoảng tháng 9-2021, do là chồng của bị cáo Hứa Thị D chưa có bằng lái xe hạng A1 nên bị cáo D cung cấp thông tin của K và đưa cho bị cáo A và đưa 1.400.000 đồng cho bị cáo A để làm bằng lái xe giả. Ngoài ra, 05 người tên: Dương Văn S1, O, H1, A, H2 (không rõ họ tên, địa chỉ) cung cấp thông tin, hình ảnh cho bị cáo A và đưa cho bị cáo A 1.400.000 đồng/ 01 người. Bị cáo A đã đặt làm 06 bằng lái xe hạng A1 giả cho đối tượng chủ tài khoản Zalo tên "làm bằng lái" với tổng số tiền 8.400.000 đồng mà các đối tượng không rõ lai lịch đã đưa cho bị cáo A. Một thời gian sau, Nguyễn Văn T6 là nhân viên giao hàng giao cho bị cáo A bưu phẩm có chứa 06 bằng lái xe hạng A1 giả. Bị cáo A chuyển vào tài khoản ngân hàng số: 0841000091830 tên "Nguyen Van T8" số tiền 8.400.000 đồng để thanh toán tiền hàng. Sau khi có bằng lái xe giả, bị cáo A đã đưa lại cho Hứa Thị D, Dương Văn S1, O, H1, A, H2.

Khoảng tháng 11-2021, Bị cáo A tiếp tục làm bằng lái xe hạng A1 giả cho Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5, Lý Thị P có nhu cầu làm bằng lái xe A1 giả nên đã cung cấp thông tin, hình ảnh của mình cho bị cáo A và đưa cho bị cáo A mỗi người giá: 1.500.000 đồng/hạng A1, riêng Nguyễn Thị Tuyết nhờ đối tượng tên Hoàng Lê T9 sinh năm 2000, trú tại K, tỉnh Hà Tỉnh trả tiền cho bị cáo A, tổng số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, bị cáo A chuyển trước 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) vào tài khoản số: 0781000496262 tên "Le The Duan", sau khi nhận được giấy phép lái xe bị cáo A chuyển tiếp 1.000.000 đồng vào số tài khoản số: 1017001617 tên "Nguyen Thi N1". Tuy nhiên lần này, bị cáo A chỉ nhận được bằng lái xe giả của Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5 chưa nhận được bằng lái xe của Lý Thị P. Bị cáo A đã đưa lại cho Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5.

Dương Thị T5 sau khi nhận được bằng lái xe và biết đây là bằng lái xe giả nên đã đến Công an huyện B trình báo. Công an huyện B mời bị cáo A về trụ sở làm việc. Tại đây, A khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng tạm giữ: 05 giấy phép lái xe hạng A1 giả mang tên: Hoàng Trung A, Lục Văn K, Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5; 01 điện thoại di động động Iphone 8, số seri: GGLXW43PJ69, màu vàng đồng của Hoàng Trung A.

Quá trình điều tra các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Hứa Thị D, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị Tuyết Đ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của

Hoàng Trung A đủ yếu tố cấu thành tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kết luận giám định số: 187/KL- KTHS(TL)PC09 ngày 18-4-2022, Phòng K1 - Công an tỉnh B, kết luận: 05 (năm) giấy phép lái xe "Giấy phép lái xe" (PET) hạng A1, đề cùng ngày 10-5-2021 là giả.

Quá trình điều tra các bị cáo và người có quền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Cáo trạng số 47/CT-VKSBB ngày 07 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Hoàng Trung A về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Hứa Thị D, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị T3 về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hoàng Trung A từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hứa Thị D, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị T3 từ 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng đến 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".

Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại di động động Iphone 8, số seri: GGLXW43PJ69, màu vàng đồng của Hoàng Trung A là công cụ phương tiện để làm tội đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước; 05 giấy phép lái xe hạng A1 giả mang tên: Hoàng Trung A, Lục Văn K, Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5 là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án lưu vào hồ sơ vụ án.

Qua xác minh số tài khoản: 0841000091830 được biết chủ tài khoản tên Nguyễn Văn T6, sinh năm: 02-9-1997, trú tại Ấp E, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương. Qua làm việc T6 khai khoảng tháng 9-2019 đến đầu năm 2022, T6 làm nhân viên giao hàng nhanh. Kho hàng T6 làm hiện nay không nhớ rõ địa chỉ vì nghỉ làm lâu. T6 không biết trong bưu phẩm là bằng lái xe giả. Sau khi nhận được tiền, T6 giao tiền mặt lại cho kho hàng.

Đối với số tài khoản: 0111000760093, qua xác minh được biết chủ tài khoản tên Võ Huỳnh Phương T7. Qua làm việc T7 khai số tài khoản 0111000760093 là của T7, khoảng năm 2015 T7 đăng ký tài khoảng trên tại ngân hàng TMCP N2 chi nhánh C (V1) đến năm 2019 thì T7 bị mất thẻ ngân hàng cho đến nay T7 không còn sử dụng số tài khoảng trên. Do bị mất số tài khoản nên T7 không sử dụng số

tài khoản trên để giao dịch, ngày 16-9-2021 Hoàng Trung A chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào số tài khoản của T7, T7 hoàn toàn không biết.

Đối với số tài khoản 0781000496262, qua xác minh được biết chủ tài khoản tên Lê Thế D1. Qua làm việc D1 khai số tài khoản: 0781000496262 không phải của D1, D1 không sử dụng số tài khoảng trên. Khoảng năm 2017, 2018 D1 có chụp ảnh căn cước công dân và ảnh chân dung của D1 để vay tiền qua mạng xã hội. Đến năm 2020 D1 bị mất căn cước công dân và hiện tại chưa làm lại căn Cước công dân.

Đối với số tài khoản 1017001617, qua xác minh được biết chủ tài khoảng tên Phạm Thị Khánh H. Qua xác minh tại địa phương được biết Phạm Thị Khánh H không có mặt tại địa phương, qua làm việc với gia đình H thì gia đình H cho biết Phạm Thị Khánh H đả bỏ nhà đi từ năm 2019 cho đến nay, gia đình không có cách liên lạc được với H và không có số điện thoại liên lạc với H. Cơ quan Cảnh sát Điều Cơ quan Cảnh sát Điều tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Qua quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị T3 khai nhận số tiền 1.500.000 đồng T3 trả cho bị cáo A để làm giấy phép lái xe A1 giả là của Hoàng Lệ T10. Do Thanh thiếu tiền bị cáo T3 nên T10 trả thay cho bị cáo T3. Qua xác minh ở Công ty P2 không có thông tin đối tượng tên T10, Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin để làm giấy phép lái xe giả của Dương Thị T5. Sau khi T5 nhận được giấy phép lái xe, nhận thấy đây là giấy phép lái xe giả nên đã đi trình báo sự việc nên căn cứ khoản 2, Điều 8 của Bộ luật Hình sự không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Lý Thị P, Dương Thị T5 căn cứ Điều 8 của Bộ luật Hình sự xét thấy hình vi chưa gây nguy hiểm cho xã hội nên không cần phải khởi tố.

Đối với Lục Văn K không biết Hứa Thị D lấy thông tin của mình để làm giấy phép lái xe hạng A1 giả nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Đối với Dương Văn S1, O, H1, A, H2. Qua xác minh ở Công ty P2 không có thông tin, Cơ quan Cảnh sát Điều tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng có tài khoản tên "làm bằng lái", Cơ quan Cảnh sát Điều tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Các Bị cáo không có ý kiến tranh luận tại phiên tòa.

Các bị cáo nói lời sau cùng: hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận, các bị cáo mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy, đã có đủ cơ sở xác định: Từ tháng 8-2021 đến 11-2021, tại Công ty P2 thuộc khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương, Hoàng Trung A đã 05 lần cung cấp thông tin hình ảnh của chính mình, Lục Văn K, Dương Thị T2, Dương Thị T5, Nguyễn Thị T3 cho đối tượng có tài khoản tên "làm bằng lái" để làm 05 bằng lái xe hạng A1 giả. Hứa Thị D cung cấp thông tin, hình ảnh của Lục Văn K, Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3 đã cung cấp thông tin, hình ảnh của mình cho Hoàng Trung A để làm giả giấy phép lái xe hạng A1 giả. Hành vi nêu trên của bị cáo A phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, hành vi của các bị cáo D, T2 và T3 về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố các bị cáo với tội danh như trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự chung của toàn xã hội. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi làm giả giấy phép lái xe là vi phạm pháp luật hình sự nhưng các bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xử bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Gia đình bị cáo A có người có công cách mạng,

bị cáo D là người dân tộc thiểu số đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, các bị cáo D, T2 và T3 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Xét các bị cáo D, T3 và T2 có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có nhân thân tốt. Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đối với hành vi cung cấp hình ảnh, thông tin để làm giấy phép lái xe giả của Dương Thị T5, Lý Thị P, quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng đã ra Quyết định số 09/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 09 năm 2024 về việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã ban hành Văn bản số 84/CV-VKS ngày 16-10-2024 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng số 45 ngày 07-5-2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng để giải quyết vụ án trên theo quy định.

[9] Đối với Lục Văn K không biết Hứa Thị D lấy thông tin của mình để làm giấy phép lái xe hạng A1 giả nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Đối với Dương Văn S1, O, H1, A, H2. Qua xác minh ở Công ty P2 không có thông tin, Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau. Đối với Phạm Thị Khánh H, Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[10] Đối với đối tượng có tài khoản tên "làm bằng lái", Cơ quan Cảnh sát Điều tiếp tục xác minh làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[11] Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động động Iphone 8 màu hồng trắng (màn hình bị kẻ sọc, nhiễu màu, có số emeil: 356087098438515 (đã qua sử dụng) đựng trong 01 bìa thư màu trắng được niêm phong có dấu mộc của Phòng K1 Công an tỉnh B và họ tên, chữ ký của Trần Minh T11, Lưu Minh P1 của Hoàng Trung A là công cụ phương tiện để làm tội đề nghị tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Đối với 05 giấy phép lái xe hạng A1 giả mang tên: Hoàng Trung A, Lục Văn K, Dương Thị T2, Nguyễn Thị T3, Dương Thị T5 là vật chứng của vụ án nên lưu vào hồ sơ vụ án.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các điểm b, c khoản 2 Điều 341, các điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Trung A;

Khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Hứa Thị D;

Khoản 1 Điều 341, các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Thị T2 và bị cáo Nguyễn Thị Tuyết .

Điều 106, 135, Điều 136, Điều 260, Điều 268, Điều 269 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Trung A, Hứa Thị D, Dương Thị T2 và Nguyễn Thị T3 phạm tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức".

Xử phạt bị cáo Hoàng Trung A 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 11-5-2022 đến ngày 10-6-2022.

Xử phạt bị cáo Hứa Thị D 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Dương Thị T2 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T3 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động động Iphone 8 màu hồng trắng (màn hình bị kẻ sọc, nhiễu màu, có số emeil: 356087098438515 (đã qua sử dụng) đựng trong 01 bìa thư màu trắng được niêm phong có dấu mộc của Phòng K1 Công an tỉnh B và họ tên, chữ ký của Trần Minh T11, Lưu Minh P1.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22-5-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai